Đơn vị: Thống kê tỉnh Lai Châu

Chương: 018

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 33 /QĐ-TKT ngày 12/8/2025 của Trưởng Thống kê, Thống kê tỉnh Lai Châu)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thống kê tỉnh Lai Châu	Thống kê cơ sở Đoàn Kết	Thống kê cơ sở Bum Tở	Thống kê cơ sở Sìn Hồ	Thống kê cơ sở Phong Thổ	Thống kê cơ sở Tân Uyên	Thống kê cơ sở Nậm Hàng
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**0**	**0**	**5.678.857.200**	**-1.333.415.334**	**-640.616.111**	**-962.994.743**	**-861.632.056**	**-1.363.034.429**	**-517.164.527**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**0**	**0**	**5.678.857.200**	**-1.333.415.334**	**-640.616.111**	**-962.994.743**	**-861.632.056**	**-1.363.034.429**	**-517.164.527**
1	**Chi quản lý hành chính**	**0**	**0**	**5.678.857.200**	**-1.333.415.334**	**-640.616.111**	**-962.994.743**	**-861.632.056**	**-1.363.034.429**	**-517.164.527**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	3.181.728.364	-840.853.485	-384.170.741	-478.956.083	-426.230.869	-753.803.029	-297.714.157
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0	2.497.128.836	-492.561.849	-256.445.370	-484.038.660	-435.401.187	-609.231.400	-219.450.370
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**									
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia									
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ									

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thống kê tỉnh Lai Châu	Thống kê cơ sở Đoàn Kết	Thống kê cơ sở Bum Tở	Thống kê cơ sở Sìn Hồ	Thống kê cơ sở Phong Thổ	Thống kê cơ sở Tân Uyên	Thống kê cơ sở Nậm Hàng
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng									
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**									
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**									
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									